**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 8-ĐỀ SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **ĐA THỨC**  **(13 tiết)** | *Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến* | **Nhận biết**  – Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến.  **Vận dụng**  – Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức.  – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản. | **2 (TN)** |  | **1 (TL)** |  |
| 2 | **HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG**  **(14 tiết)** | *Hằng đẳng thức đáng nhớ.* | **Nhận biết**  – Nhận biết được các khái niệm : Đồng nhất thức, hằng đẳng thức.  -Mô tả được các hằng đẳng thức: Bình phương của một tổng và hiệu, hiệu hai bình phương, lập phương của tổng và hiệu, tổng và hiệu hai lập phương.  **Thông hiểu**  – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.  **Vận dụng**  – Vận dụng được các hằng đẳng thức để tìm giá trị lớn nhất. | **4 (TN)** | **2/3(TL)** |  | **1/3(TL)** |
| 3 | **TỨ GIÁC**  **(14 tiết)** | *Tứ giác.* | **Nhận biết**  – Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360o | **2 (TN)** | **1(TL)** |  |  |
| *Tính chất và dấu hiệu nhận biết các Tứ giác đặc biệt.* | **Nhận biết**  – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật).  **Thông hiểu**  – Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. |
| 4 | **Định lí Thalès**  **(10 tiết)** | *Định lí Thalès trong tam giác.* | **Nhận biết**  **- Nhận biết được** tỉ số của hai đoạn thẳng .  - Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác.    **Vận dụng**  – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès, T/C đường trung bình của tam giác (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). | **2 (TN)** |  | **1/2(TL)** | **1/2 (TL)** |
| 5 | **DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ**  **( 8 Tiết )** | *Thu thập, pân loại, tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước* | **Nhận biết**  – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). | **1 (TN)** |  |  |  |
| *Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ* | – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*). | **1 (TN)** |  |  |  |
| *Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có* | **Thông hiểu**  – Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. |  | **1 (TL)** |  |  |
| **Tổng** | | |  | **12(TN)** | **8/3 (TL)** | **1,5 (TL)** | **5/6(TL)** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | **60%** | | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **30%** | **70%** | | |